

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: *314* /2022/HĐ

Gói thầu: “Khoan phục vụ khai thác năm 2022 mỏ kềm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn” thuộc Phương án khoan phục vụ khai thác năm 2022, mỏ kềm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015, Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn Nhà thầu;

- Căn cứ Quyết định số 349/QĐ-TMC ngày 14/02/2022 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt khối lượng, dự toán Phương án khoan phục vụ khai thác năm 2022, mỏ kềm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn;

- Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-TMC ngày 21/02/2022 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán gói thầu thuộc Phương án khoan phục vụ khai thác năm 2022, mỏ kềm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn;

- Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-TMC ngày 24/02/2022 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu “Khoan phục vụ khai thác năm 2022, mỏ kềm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn” thuộc Phương án Khoan phục vụ khai thác năm 2022, mỏ kềm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn;

- Căn cứ Quyết định số *983* /QĐ-TMC ngày 06/4/2022 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện Gói thầu “Khoan phục vụ khai thác năm 2022 mỏ kềm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn” thuộc Phương án khoan phục vụ khai thác năm 2022 mỏ kềm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn;

- Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng ngày 05/4/2022 giữa Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico và Trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật về việc thực hiện Gói thầu “Khoan phục vụ khai thác năm 2022 mỏ kềm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn” thuộc Phương án khoan phục vụ khai thác năm 2022 mỏ kềm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn;

Hôm nay, ngày *08* tháng 4 năm 2022, tại Văn phòng Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico, tổ 6, phường Phú Xá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, chúng tôi gồm:

CHỦ ĐẦU TƯ (BÊN A): CÔNG TY CP KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN – VIMICO

Địa chỉ: Phường Phú Xá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.



Điện thoại: 0208 3 847 229 - Fax: 0208 3 847 097

Mã số thuế: 4600100003

Tài khoản: 39010000000377 tại Ngân hàng BIDV – CN Thái Nguyên.

Đại diện: Ông **Trần Văn Long** Chức vụ: Giám đốc

BÊN NHẬN THẦU (BÊN B): TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ĐỊA KỸ THUẬT

Địa chỉ: 201/C5 Trường Đại Học Bách Khoa Hà Nội, Hai Bà Trưng, HN

Điện thoại: 024-38683342.

Mã số thuế: 0100530339.

Tài khoản: 21110005555557 tại Ngân hàng BIDV - CN Hà Nội.

Đại diện: Ông **Nguyễn Thế Vinh** Chức vụ: Giám đốc.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với những điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1. Nội dung công việc

Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico (bên A) đồng ý thuê Trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật (bên B) thực hiện Gói thầu “Khoan phục vụ khai thác năm 2022 mỏ kẽm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn” và bàn giao sản phẩm hợp đồng theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này. Khối lượng công việc thực hiện của Phương án theo Phụ lục kèm theo Hợp đồng.

Trong trường hợp phải điều chỉnh khối lượng vì lý do khách quan hoặc bất khả kháng như: vướng mắc do mưa lũ sạt lở bờ tầng khai thác, do yêu cầu sản xuất tại khai trường, do yếu tố kỹ thuật an toàn,... thì bên A sẽ thông báo với bên B để thống nhất việc điều chỉnh khối lượng thi công cho phù hợp.

Điều 2. Thời gian và tiến độ thực hiện

Thời gian thực hiện hợp đồng: **290 ngày** kể từ ngày ký hợp đồng.

Điều 3. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

3.1. Giá trị hợp đồng là: **13.338.900.000 đồng**. Bằng chữ: *Mười ba tỷ, ba trăm ba mươi tám triệu, chín trăm nghìn đồng*. Đã bao gồm thuế VAT. Có phụ lục chi tiết kèm theo.

- Giá trị của Hợp đồng trên có thể thay đổi trong các trường hợp tăng hoặc giảm khối lượng thực hiện so với hợp đồng khi được Bên A cho phép bằng văn bản, khi đó dự toán được xác định như sau:

+ Nếu khối lượng công việc tăng hoặc giảm đó đã có đơn giá trong hợp đồng thì phần phát sinh được tính theo đơn giá đó.

+ Nếu khối lượng công việc tăng hoặc giảm không có đơn giá trong hợp đồng thì phần giá trị phát sinh được tính theo đơn giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.2. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Điều 4: Tạm ứng, nghiệm thu, thanh quyết toán

101
N
P
O
NG
MI
EN T

4.1. Tạm ứng: Sau khi ký kết Hợp đồng, Bên A tạm ứng 20% giá trị hợp đồng trong vòng 14 ngày kể từ ngày Bên A nhận được công văn đề nghị tạm ứng của bên B và Thư bảo lãnh tiền tạm ứng của Ngân hàng nơi bên B giao dịch với giá trị bảo lãnh bằng giá trị tạm ứng. Thời hạn bảo lãnh tiền tạm ứng tối thiểu là 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4.2. Nghiệm thu: Công tác nghiệm thu thực hiện theo Quyết định số 1814/QĐ-TKV ngày 04/8/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) về việc ban hành Quy định nghiệm thu các công trình khảo sát thăm dò khoáng sản và Văn bản số 6505/VINACOMIN-TN ngày 05/12/2013 của TKV về việc ban hành một số biểu mẫu trong công tác nghiệm thu các công trình thăm dò than, khoáng sản trong nội bộ VINACOMIN. Thực hiện nghiệm thu 01 lần sau khi kết thúc thi công Phương án hoặc thực hiện nghiệm thu theo giai đoạn công việc hoàn thành.

4.3. Thanh quyết toán:

- Đồng tiền thanh toán: tiền đồng Việt Nam.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Thực hiện thanh toán 01 lần sau khi hoàn thành, kết thúc phương án hoặc thực hiện thanh toán theo giai đoạn trên cơ sở kết quả khối lượng, giá trị thực hiện hoàn thành từng đợt được 2 bên nghiệm thu, xác nhận và bên B xuất hóa đơn GTGT cấp cho bên A.

- Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị khối lượng thực hiện của hợp đồng theo khối lượng thực tế được nghiệm thu (đồng thời thu hồi hết số tiền đã tạm ứng) trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký Quyết toán A-B và biên bản thanh lý hợp đồng.

- Quyết toán hợp đồng:

Sau khi bên B hoàn thành toàn bộ các nội dung công việc và bàn giao sản phẩm của hợp đồng cho bên A. Căn cứ bảng tính giá trị thực hiện hoàn thành hợp đồng, bên A sẽ làm các thủ tục thanh quyết toán cho bên B.

Trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản nghiệm thu, xác nhận khối lượng thực hiện hoàn thành, bên B sẽ trình cho bên A 03 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng và biên bản bàn giao các tài liệu liên quan.

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của mỗi bên

5.1. Quyền và trách nhiệm của bên A:

- Tạo điều kiện và cung cấp các hồ sơ, thủ tục và ban giao mặt bằng sạch (đủ điều kiện thi công) liên quan đến việc thi công cho bên B để tổ chức thực hiện thi công theo Phương án đã được phê duyệt được thuận lợi.

- Cử cán bộ giám sát thi công và cùng bên B tổ chức nghiệm thu khối lượng thi công theo quy định. Yêu cầu tổ chức và cá nhân có liên quan phối hợp để thực hiện các công việc trong phạm vi Phương án.

- Có quyền đình chỉ thi công nếu bên B cố tình làm sai với Phương án, biện pháp thi công đã được duyệt. Xem xét và quyết định các đề xuất liên quan đến phương án thi công của bên B trong quá trình thi công Phương án.

1000
T
H
M
J
O
TH

- Được quyền sử dụng các tài liệu địa chất bên B thu thập được trong quá trình thăm dò và bộ báo cáo thông tin kết quả thi công Phương án thăm dò.

5.2 Trách nhiệm của Bên B:

- Tổ chức thi công đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của Phương án đề ra, phối hợp chặt chẽ với bên A trong quá trình thực hiện.

- Bố trí trình tự thi công và thường xuyên cập nhật kết quả thi công để điều chỉnh cho phù hợp với thực tế. Chịu trách nhiệm toàn bộ việc triển khai thi công các lỗ khoan, đảm bảo tiến độ cho đến khi Phương án kết thúc.

- Cùng bên A tổ chức nghiệm thu kỹ thuật tại hiện trường và nghiệm thu khối lượng, giá trị thực hiện theo quy định.

- Chịu trách nhiệm toàn diện về việc thực hiện các nội quy, quy định trong công tác an toàn, đi lại, vận chuyển, bảo vệ môi trường,... khi thi công trong khai trường của bên A và các bên có liên quan.

- Chịu trách nhiệm bảo quản tài liệu, thông tin về kết quả thăm dò của Phương án theo chế độ bảo mật, không cung cấp cho bên thứ ba nếu không có sự đồng ý của bên A.

- Chuyển giao toàn bộ tài liệu kết quả thi công Phương án và các sản phẩm hợp đồng cho bên A sau khi hoàn thành.

Điều 6. Sản phẩm thực hiện hợp đồng

Sản phẩm thực hiện hợp đồng do Bên B lập để giao cho Bên A bao gồm:

6.1. Tài liệu nguyên thủy:

- Sổ nhật ký địa chất công trình;
- Sổ mô tả công trình;
- Thiết đồ các công trình thi công;
- Bàn giao toàn bộ mẫu lõi khoan cho bên A.

6.2. Tài liệu tổng hợp (02 bộ):

- Thuyết minh Báo cáo thông tin kết quả thi công Phương án;
- Các bản vẽ, tài liệu tổng hợp kèm theo;
- 02 đĩa CD ghi toàn bộ nội dung Báo cáo thông tin kết quả thi công Phương án và các tài liệu kèm theo đúng theo quyết định số 1814/QĐ-TKV ngày 04/8/2010 của TKV về việc ban hành Quy định nghiệm thu các công trình khảo sát thăm dò khoáng sản.

Điều 7. Bất khả kháng

Sự kiện bất khả kháng là các sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không giới hạn bởi các trường hợp sau: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, biến động địa chất gây sự cố khách quan, do yếu tố kỹ thuật an toàn, do mưa lũ sạt lở bờ tầng khai thác... dẫn đến phải dừng hoặc tạm dừng công việc hoặc gây thiệt hại cho một trong hai bên.

Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- Thông báo ngay cho bên kia biết sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, kèm theo Văn bản (biên bản) phải có xác nhận cấp thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng, hai bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ khác trong hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng và thực hiện theo đúng yêu cầu về hợp đồng trong hồ sơ mời thầu.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

- Các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình theo như thoả thuận;

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên có sự thoả thuận về việc chấm dứt hợp đồng;

- Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

+ Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng;

+ Bên A không thanh toán cho bên B một phần hoặc không thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng theo đúng tiến độ thanh toán đã nêu trong hợp đồng;

+ Bên B bị phá sản, giải thể;

- Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng với bên B, do bên B không thực hiện đầy đủ các nội dung đã thống nhất với bên A trong hợp đồng, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

- Trong trường hợp Bên B chấm dứt hợp đồng với bên A, do bên A không thực hiện đầy đủ các nội dung đã thống nhất với bên B trong hợp đồng, Bên B sẽ không phải hoàn trả lại các khoản phí mà Bên A đã thanh toán theo tiến độ công việc. Bên A sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên B những khoản chi phí phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc không thanh toán cho công việc mà Bên B đã thực hiện.

- Mọi thoả thuận, thay đổi phải được lập thành văn bản và được coi là 1 phần (Phụ lục) không tách rời của Hợp đồng này.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp

- Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

- Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 02 tháng kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.



- Tất cả các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp do Bên thua kiện chịu trách nhiệm thanh toán, bao gồm và không giới hạn bởi các chi phí: Chi phí mời Luật sư, chi phí đi lại, án phí... và các chi phí hợp lý khác.

Điều 10. Phạt do vi phạm hợp đồng

Trong 7 ngày đầu nếu bên B thi công chậm tiến độ mà không có chấp thuận bằng văn bản của bên A thì mỗi ngày chậm tiến độ Nhà thầu bị phạt 1.000.000 VNĐ/1 ngày chậm. Những ngày chậm tiếp theo phạt 2.000.000 VNĐ/1 ngày chậm. Nếu quá 15 ngày chậm mà bên B vẫn chưa thi công xong thì bên A có quyền đình chỉ bên B thi công và bên B phải bồi thường thiệt hại do việc chậm tiến độ thi công làm thiệt hại đến bên A, đồng thời bên A có quyền mời đơn vị khác đến thi công tiếp, toàn bộ chi phí thi công tiếp theo được trừ vào chi phí thực hiện hợp đồng.

Điều 11. Điều khoản chung

- Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến Hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ, đúng các điều khoản và thời hạn đã ghi trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc 2 bên gặp gỡ cùng nhau bàn bạc đưa ra hướng giải quyết. Nếu cần bổ sung các bước công việc hoặc các vấn đề phát sinh hai bên thỏa thuận làm phụ lục Hợp đồng.

- Mọi thay đổi liên quan đến Hợp đồng chỉ có giá trị khi viết dưới dạng văn bản, và được người đại diện theo pháp luật hai bên ký duyệt.

- Hợp đồng được lập làm 08 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 08 bản, bên B giữ 02 bản làm cơ sở thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thế Vinh

**ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Long

460
CỘ
CỘ
M L
HÁI
VII
DUYỆ

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Gói thầu: “Khoan phục vụ khai thác năm 2022 mỏ kẽm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn”

(Kèm theo Hợp đồng số 314/2022/HĐ ngày 08/4/2022)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
A	Thi công phương án		1		12.505.887.581
I	Công tác trắc địa				233.570.194
1	Đưa công trình từ thiết kế ra thực địa	CT	62	2.003.515	124.217.955
2	Đo công trình và đưa vào bản đồ	CT	62	1.763.746	109.352.239
II	Công tác khoan: (I)+(2)-(3)	m	7.000		12.016.903.867
1	Khoan xiên lấy mẫu từ 65° - 89°	m	3.095		5.770.925.817
a	Khoan lấy mẫu ĐC các loại quặng chiều sâu LK từ 0 đến 100m		445		742.647.346
*	Khoan (Xiên 65°÷89°, đá cấp III)	m	22		
-	Hiệp dài		22	871.865	19.181.030
*	Khoan (Xiên 65°÷89°, đá cấp VI)	m	423		
-	Hiệp ngắn		62	1.841.938	114.200.156
-	Hiệp dài		360	1.692.406	609.266.160
b	Khoan lấy mẫu ĐC các loại quặng chiều sâu LK từ 0 đến 200m		2.185		4.097.356.785
*	Khoan (Xiên 65°÷89°, đá cấp III)	m	116		
	Hiệp dài		116	963.974	111.820.984
*	Khoan (Xiên 65°÷89°, đá cấp VI)	m	2.069		
	Hiệp ngắn		303	2.069.777	627.142.431
	Hiệp dài		1.766	1.901.695	3.358.393.370
c	Khoan lấy mẫu ĐC các loại quặng chiều sâu LK từ 0 đến 300m		465		930.921.686
*	Khoan (Xiên 65°÷89°, đá cấp III)	m	23		
	Hiệp dài		23	996.640	22.922.722
*	Khoan (Xiên 65°÷89°, đá cấp VI)	m	442		
	Hiệp ngắn		65	2.207.651	143.497.323
	Hiệp dài		377	2.027.856	764.501.640
2	Khoan đứng lấy mẫu 90°		3.905		6.275.978.050
a	Khoan lấy mẫu ĐC các loại quặng chiều sâu LK từ 0 đến 100m		1.640		2.558.273.056
*	Khoan (đứng 90°, đá cấp III)	m	82		
-	Hiệp dài		82	802.826	65.831.732
*	Khoan (đứng 90°, đá cấp VI)	m	1.558		
-	Hiệp ngắn		230	1.841.938	423.645.740
-	Hiệp dài		1.328	1.557.828	2.068.795.584
b	Khoan lấy mẫu ĐC các loại quặng chiều sâu LK từ 0 đến 200m		2.265		3.717.704.994

110
 NG
 PH
 ĐẠI
 NGU
 MICH
 VT:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
*	Khoan(đứng 90 ⁰ , đá cấp III)	m	113		
	<i>Hiệp dài</i>		113	831.062	93.910.056
*	Khoan (đứng 90 ⁰ , đá cấp VI)	m	2.152		
	<i>Hiệp ngắn</i>		323	1.938.867	626.254.154
	<i>Hiệp dài</i>		1.829	1.638.896	2.997.540.784
3	Giá trị giảm giá công tác khoan do vật tư khoan sẵn có				30.000.000
III	Lấy mẫu				83.207.251
1	Mẫu lõi khoan	m.mẫu	400	208.018	83.207.251
IV	Gia công mẫu				110.612.539
1	Mẫu lõi khoan	Mẫu	470	235.346	110.612.539
V	Công tác tin học				61.593.730
1	Số hoá bản đồ các loại	mảnh	15	4.106.249	61.593.730
B	Lập phương án thi công	PA	1		110.385.156
C	Lập báo cáo kết quả thi công	bc	1	210.072.249	210.072.249
D	In, nộp báo cáo nội bộ	bộ	3	2.500.000	7.500.000
E	Các công tác khác				455.055.275
1	Làm đường khoan mới	m ³	665	278.151	184.970.512
2	Sửa đường	m ³	199	278.151	55.352.078
3	Làm nền khoan	m ³	772	278.151	214.732.685
F	Đền bù hoa màu	Đồng	50.000.000		50.000.000
	Tổng cộng: A + B + C + D + E + F				13.338.900.261
	Làm tròn				13.338.900.000
<i>Bằng chữ: Mười ba tỷ, ba trăm ba mươi tám triệu, chín trăm nghìn đồng. Đã bao gồm thuế VAT.</i>					

903
 TỶ
 AN
 MA
 YÊN
 HẢI

BẢNG THỐNG KÊ CÔNG TRÌNH

Gói thầu: “Khoan phục vụ khai thác năm 2022 mỏ kẽm chi Chợ Điền, huyện Chợ Điền, tỉnh Bắc Kạn”

STT	Tên công trình	Tuyến	Thân quặng	Tọa độ thiết kế			Chiều sâu lỗ khoan (m)	Góc nghiêng	Phương vị
				X	Y	H			
TỔNG CÁC KHU							7.000		
1. Khu Hùm Tre							1.090		
1	LK46HT	Tuyến 15	TQ18	2.462.283	400.498	720	50	90	
2	LK47HT	Tuyến 14	TQ18	2.462.282	400.498	716	50	90	
3	LK48HT	Tuyến 15A	TQ18	2.462.203	400.541	752	85	90	
4	LK49HT	Tuyến 32	TQ18	2.462.044	400.565	722	85	90	
5	LK50HT	Tuyến 32	TQ18	2.462.044	400.595	715	85	90	
6	LK51HT	Tuyến 33	TQ18	2.462.019	400.580	720	85	90	
7	LK52HT	Tuyến 33	TQ18	2.462.019	400.610	715	90	90	
8	LK53HT	Tuyến 34	TQ18	2.461.995	400.619	709	90	90	
9	LK54HT	Tuyến 35	TQ18	2.462.055	400.343	765	55	90	
10	LK55HT	Tuyến 36	TQ18	2.462.029	400.311	735	40	90	
11	LK56HT	Tuyến 36	TQ18	2.462.030	400.336	750	70	90	
12	LK57HT	Tuyến 37	TQ18	2.462.004	400.301	720	55	90	
13	LK58HT	Tuyến 37	TQ18	2.462.004	400.326	732	80	90	
14	LK59HT	Tuyến 38	TQ18	2.461.979	400.266	692	50	90	
15	LK60HT	Tuyến 38	TQ18	2.461.979	400.291	705	70	90	
16	LK61HT	Tuyến 39	TQ18	2.461.955	400.249	685	50	90	
2. Khu Suối							1.515		
17	LK147S	Tuyến.100	TQ11	2.462.610	398.488	687	185	90	
18	LK148S	Tuyến.99	TQ11	2.462.565	398.459	687	110	90	
19	LK149S	Tuyến.99	TQ11	2.462.552	398.468	692	150	90	
20	LK150S	Tuyến.98	TQ11	2.462.529	398.423	698	115	90	
21	LK151S	Tuyến.98	TQ11	2.462.515	398.433	704	155	90	
22	LK152S	Tuyến.97	TQ11	2.462.492	398.388	695	115	90	
23	LK153S	Tuyến.97	TQ11	2.462.478	398.398	692	150	90	
24	LK154S	Tuyến.96	TQ11	2.462.454	398.353	670	85	90	
25	LK155S	Tuyến.96	TQ11	2.462.439	398.364	670	120	90	
26	LK156S	Tuyến.95	TQ11	2.462.420	398.316	646	70	90	
27	LK157S	Tuyến.95	TQ11	2.462.405	398.327	646	105	90	
28	LK158S	Tuyến.94	TQ11	2.462.364	398.294	687	60	90	
29	LK159S	Tuyến.94	TQ11	2.462.351	398.304	687	95	90	
3. Khu Lũng Hoài							1.690		
30	LK163.H	TUYẾN 54A	TQ10	2.463.807	399.169	836	80	79	295
31	LK165.H	TUYẾN 55	TQ10	2.463.832	399.190	820	100	90	0
32	LK152.H	TUYẾN 49	TQ12	2.463.466	399.153	855	115	90	0
33	LK154.H	TUYẾN 50B	TQ12	2.463.509	399.154	858	120	90	0
34	LK173.H	TUYẾN 46	TQ12	2.463.340	399.115	863	145	90	0
35	LK143.H	TUYẾN 46B	TQ12	2.463.322	399.106	860	140	90	0
36	LK140.H	TUYẾN 45	TQ12	2.463.304	399.091	872	250	81	299
37	LK141.H	TUYẾN 45	TQ12	2.463.303	399.092	872	160	86	299
38	LK171.H	TUYẾN 44A	TQ12	2.463.270	399.074	870	215	77	299
39	LK172.H	TUYẾN 44A	TQ12	2.463.270	399.075	870	155	90	

C.T.C.P
NGUYỄN

STT	Tên công trình	Tuyến	Thân quặng	Tọa độ thiết kế			Chiều sâu lỗ khoan (m)	Góc nghiêng	Phương vị
				X	Y	H			
41	LK170.H	TUYẾN 44	TQ12	2.463.249	399.060	858	140	90	
4. Khu Khuồi Khem 2							435		
42	LK19KK	Tuyến T10	MQ	2.467.824	402.874	422	65	55	122
43	LK20KK	Tuyến T9A	MQ	2.467.836	402.893	421	75	65	122
44	LK21KK	Tuyến T8	MQ	2.467.870	402.951	395	75	65	122
45	LK22KK	Tuyến T7	MQ	2.467.892	402.968	393	75	65	122
46	LK23KK	Tuyến T6	MQ	2.467.920	402.968	402	70	90	
47	LK24KK	Tuyến T6	MQ	2.467.909	402.987	383	75	65	122
5. Khu Bô Ben							1.480		
48	LK136.BP	Tuyến 20A	TQ7	2463311.08	398211.33	825	115	90	
49	LK139.BP	Tuyến 20D	TQ7	2463358.16	398295.83	803	130	82	302
50	LK140.BP	Tuyến 22A	TQ7	2463375.59	398314.29	812	130	90	
51	LK148.BP	Tuyến 24A	TQ7	2463555.34	398444.02	870	165	85	302
52	LK150.BP	Tuyến 25	TQ7	2463571.46	398468.72	870	195	80	302
53	LK151.BP	Tuyến 25A	TQ7	2463618.92	398437.36	885	105	80	302
54	LK152.BP	Tuyến 25A	TQ7	2463604.77	398460.00	885	145	80	302
55	LK153.BP	Tuyến 25A	TQ7	2463593.69	398477.73	874	175	80	302
56	LK154.BP	Tuyến 26	TQ7	2463617.98	398486.88	876	140	61	302
57	LK155.BP	Tuyến 26	TQ7	2463617.05	398488.20	876	180	70	302
6. Khu Lapointe							790		
58	LK74LP	Tuyến 29	TQ10	2.462.222	398.103	630	165	69	122
59	LK75LP	Tuyến 30	TQ10	2.462.254	398.124	640	165	71	122
60	LK76LP	Tuyến 31	TQ10	2.462.304	398.139	660	135	71	122
61	LK77LP	Tuyến 32	TQ10	2.462.348	398.162	665	185	71	122
62	LK78LP	Tuyến 33	TQ10	2.462.347	398.259	650	140	71	122

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

V/v thực hiện gói thầu “Khoan phục vụ khai thác năm 2022, mỏ kẽm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn” thuộc Phương án Khoan phục vụ khai thác năm 2022, mỏ kẽm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn

I. CÁC CĂN CỨ THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015, Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 và Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn Nhà thầu;

- Căn cứ Quyết định số 349/QĐ-TMC ngày 14/02/2022 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt khối lượng, dự toán Phương án khoan phục vụ khai thác năm 2022, mỏ kẽm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn;

- Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-TMC ngày 21/02/2022 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán gói thầu thuộc Phương án khoan phục vụ khai thác năm 2022, mỏ kẽm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn;

- Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-TMC ngày 24/02/2022 của Giám đốc Công ty về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu Gói thầu “Khoan phục vụ khai thác năm 2022, mỏ kẽm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn” thuộc Phương án Khoan phục vụ khai thác năm 2022, mỏ kẽm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn;

- Căn cứ Quyết định số 864/QĐ-TMC ngày 01/4/2022 của Giám đốc Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico về phê duyệt danh sách nhà thầu áp dụng yêu cầu kỹ thuật Gói thầu “Khoan phục vụ khai thác năm 2022, mỏ kẽm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn” thuộc Phương án Khoan phục vụ khai thác năm 2022, mỏ kẽm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn;

- Căn cứ Báo cáo đánh giá HSDXTC ngày 04/4/2022 của Tổ chuyên gia;

- Căn cứ Công văn số 925 /TMC-ĐTXD ngày 04/4/2022 của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico về việc mời thương thảo hợp đồng gói thầu “Khoan phục vụ khai thác năm 2022, mỏ kẽm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn” thuộc Phương án Khoan phục vụ khai thác năm 2022, mỏ kẽm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Hôm nay, ngày 05 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico, các bên dưới đây đã tổ chức thương thảo Hợp đồng về việc thực hiện gói thầu “Khoan phục vụ khai thác năm 2022, mỏ kẽm chì

Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn” thuộc Phương án Khoan phục vụ khai thác năm 2022, mở kèm chi Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

II. THÀNH PHẦN

1. Bên mời thầu (Bên A): Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico.

- Địa chỉ: Phường Phú Xá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Điện thoại: 0208 3 847 229 - Fax: 0208 3 847 097

- Người được giao thực hiện thương thảo:

+ Ông: Nguyễn Hồng Quang – TP KT Mỏ Công ty.

+ Ông: Nguyễn Văn Hiền - TP ĐTXD Công ty.

2. Nhà thầu (Bên B): Trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật

- Địa chỉ: 201/C5 Trường Đại Học Bách Khoa Hà Nội, Hai Bà Trưng, HN

- Điện thoại: 024-38683342.

- Mã số thuế: 0100530339.

- Tài khoản số 21110005555557 tại Ngân hàng BIDV - CN Hà Nội.

- Đại diện: Ông **Nguyễn Thế Vinh** - Chức vụ: Giám đốc

III. NỘI DUNG THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

Hai bên tiến hành thương thảo hợp đồng về các nội dung chính sau:

1. Nội dung công việc:

Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico (bên A) đồng ý thuê Trung tâm nghiên cứu địa kỹ thuật (bên B) thực hiện Gói thầu “Khoan phục vụ khai thác năm 2022 mở kèm chi Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn”. Khối lượng công việc thực hiện theo phụ lục kèm theo.

Trong trường hợp phải điều chỉnh khối lượng vì lý do khách quan hoặc bất khả kháng như: vướng mắc do mưa lũ sạt lở bờ tầng khai thác, do yêu cầu sản xuất tại khai trường, do yếu tố kỹ thuật an toàn,... thì bên A sẽ thông báo với bên B để thống nhất việc điều chỉnh khối lượng thi công cho phù hợp.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng: 290 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

3. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

3.1. Giá trị hợp đồng là: **13.338.900.000 đồng** (Bằng chữ: Mười ba tỷ, ba trăm ba mươi tám triệu, chín trăm nghìn đồng. Đã bao gồm thuế VAT). Có phụ lục chi tiết kèm theo.

- Giá trị của Hợp đồng trên có thể thay đổi trong các trường hợp tăng hoặc giảm khối lượng thực hiện so với hợp đồng khi được Bên A cho phép bằng văn bản, khi đó dự toán được xác định như sau:

+ Nếu khối lượng công việc tăng hoặc giảm đó đã có đơn giá trong hợp đồng thì phần phát sinh được tính theo đơn giá trong hợp đồng.

+ Nếu khối lượng công việc tăng hoặc giảm không có đơn giá trong hợp đồng thì phần giá trị phát sinh được tính theo đơn giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở các quy định hiện hành tại thời điểm đó.

3.2. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

4. Tạm ứng, nghiệm thu, thanh quyết toán

4.1. Tạm ứng: Sau khi ký kết Hợp đồng, Bên A tạm ứng 20% giá trị hợp đồng trong vòng 14 ngày kể từ ngày Bên A nhận được công văn đề nghị tạm ứng của bên B và Thư bảo lãnh tiền tạm ứng của Ngân hàng nơi bên B giao dịch với giá trị bảo lãnh bằng giá trị tạm ứng. Thời hạn bảo lãnh tiền tạm ứng tối thiểu là 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4.2. Nghiệm thu: Công tác nghiệm thu thực hiện theo Quyết định số 1814/QĐ-TKV ngày 04/8/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) về việc ban hành Quy định nghiệm thu các công trình khảo sát thăm dò khoáng sản và Văn bản số 6505/VINACOMIN-TN ngày 05/12/2013 của TKV về việc ban hành một số biểu mẫu trong công tác nghiệm thu các công trình thăm dò than, khoáng sản trong nội bộ VINACOMIN. Thực hiện nghiệm thu 01 lần sau khi kết thúc thi công Phương án hoặc thực hiện nghiệm thu theo giai đoạn công việc hoàn thành.

4.3. Thanh quyết toán:

- Đồng tiền thanh toán: tiền đồng Việt Nam.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Thực hiện thanh toán 01 lần sau khi hoàn thành, kết thúc phương án hoặc thực hiện thanh toán theo giai đoạn trên cơ sở kết quả khối lượng, giá trị thực hiện hoàn thành từng đợt được 2 bên nghiệm thu, xác nhận và bên B xuất hóa đơn GTGT cấp cho bên A.

- Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị khối lượng thực hiện của hợp đồng theo khối lượng thực tế được nghiệm thu (đồng thời thu hồi hết số tiền đã tạm ứng) trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký quyết toán và biên bản thanh lý hợp đồng.

- Quyết toán hợp đồng:

Sau khi bên B hoàn thành toàn bộ các nội dung công việc và bàn giao sản phẩm của hợp đồng cho bên A. Căn cứ bảng tính giá trị thực hiện hoàn thành hợp đồng, bên A sẽ làm các thủ tục thanh quyết toán cho bên B.

Trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản nghiệm thu, xác nhận khối lượng thực hiện hoàn thành, bên B sẽ trình cho bên A 03 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng và biên bản bàn giao các tài liệu liên quan.

5. Quyền và trách nhiệm của mỗi bên

5.1. Quyền và trách nhiệm của bên A:

- Tạo điều kiện và cung cấp các hồ sơ, thủ tục và bàn giao mặt bằng sạch (đủ điều kiện thi công) liên quan đến việc thi công cho bên B để tổ chức thực hiện thi công theo Phương án đã được phê duyệt được thuận lợi.

- Cử cán bộ giám sát thi công và cùng bên B tổ chức nghiệm thu khối lượng thi công theo quy định. Yêu cầu tổ chức và cá nhân có liên quan phối hợp để thực hiện các công việc trong phạm vi Phương án.

- Có quyền đình chỉ thi công nếu bên B cố tình làm sai với Phương án, biện pháp thi công đã được duyệt. Xem xét và quyết định các đề xuất liên quan đến phương án thi công của bên B trong quá trình thi công Phương án.

- Được quyền sử dụng các tài liệu địa chất bên B thu thập được trong quá trình thăm dò và bộ báo cáo thông tin kết quả thi công Phương án thăm dò.

5.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Tổ chức thi công đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của Phương án đề ra, phối hợp chặt chẽ với bên A trong quá trình thực hiện.

- Bố trí trình tự thi công và thường xuyên cập nhật kết quả thi công để điều chỉnh cho phù hợp với thực tế. Chịu trách nhiệm toàn bộ việc triển khai thi công các lỗ khoan, đảm bảo tiến độ cho đến khi Phương án kết thúc.

- Cùng bên A tổ chức nghiệm thu kỹ thuật tại hiện trường và nghiệm thu khối lượng, giá trị thực hiện theo quy định.

- Chịu trách nhiệm toàn diện về việc thực hiện các nội quy, quy định trong công tác an toàn, đi lại, vận chuyển, bảo vệ môi trường,... khi thi công trong khai trường của bên A và các bên có liên quan.

- Chịu trách nhiệm bảo quản tài liệu, thông tin về kết quả thăm dò của Phương án theo chế độ bảo mật, không cung cấp cho bên thứ ba nếu không có sự đồng ý của bên A.

- Chuyển giao toàn bộ tài liệu kết quả thi công Phương án và các sản phẩm hợp đồng cho bên A sau khi hoàn thành.

6. Sản phẩm thực hiện hợp đồng

Sản phẩm thực hiện hợp đồng do Bên B lập để giao cho Bên A bao gồm:

6.1. Tài liệu nguyên thủy:

- Sổ nhật ký địa chất công trình;
- Sổ mô tả công trình;
- Thiết đồ các công trình thi công;
- Bàn giao toàn bộ mẫu lõi khoan cho bên A.

6.2. Tài liệu tổng hợp (02 bộ):

- Thuyết minh Báo cáo thông tin kết quả thi công Phương án;
- Các bản vẽ, tài liệu tổng hợp kèm theo;
- 02 đĩa CD ghi toàn bộ nội dung Báo cáo thông tin kết quả thi công Phương án và các tài liệu kèm theo đúng theo Quyết định số 1814/QĐ-TKV ngày 04/8/2010 của TKV về việc ban hành Quy định nghiệm thu các công trình khảo sát thăm dò khoáng sản.

7. Bất khả kháng

Sự kiện bất khả kháng là các sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không giới hạn bởi các trường hợp sau: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, biến động địa chất gây sự cố khách quan, do yếu tố kỹ thuật an toàn, do mưa lũ sạt lở bờ tầng khai thác... dẫn đến phải dừng hoặc tạm dừng công việc hoặc gây thiệt hại cho một trong hai bên.

Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- Thông báo ngay cho bên kia biết sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, kèm theo Văn bản (biên bản) phải có xác nhận cấp thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng, hai bên vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ khác trong hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng của trường hợp bất khả kháng và thực hiện theo đúng yêu cầu về hợp đồng trong hồ sơ mời thầu.

8. Chấm dứt hợp đồng

- Các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ của mình theo như thoả thuận;

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên có sự thoả thuận về việc chấm dứt hợp đồng;

- Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

- + Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng;

- + Bên A không thanh toán cho bên B một phần hoặc không thanh toán toàn bộ giá trị hợp đồng theo đúng tiến độ thanh toán đã nêu trong hợp đồng;

- + Bên B bị phá sản, giải thể;

- Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng với bên B, do bên B không thực hiện đầy đủ các nội dung đã thống nhất với bên A trong hợp đồng, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

- Trong trường hợp Bên B chấm dứt hợp đồng với bên A, do bên A không thực hiện đầy đủ các nội dung đã thống nhất với bên B trong hợp đồng, Bên B sẽ không phải hoàn trả lại các khoản phí mà Bên A đã thanh toán theo tiến độ công việc. Bên A sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên B những khoản chi phí phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc không thanh toán cho công việc mà Bên B đã thực hiện.

- Mọi thoả thuận, thay đổi phải được lập thành văn bản và được coi là 1 phần (Phụ lục) không tách rời của Hợp đồng này.

9. Giải quyết tranh chấp

- Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

- Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 02 tháng kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.

- Tất cả các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp do Bên thua kiện chịu trách nhiệm thanh toán, bao gồm và không giới hạn bởi các chi phí: Chi phí mời Luật sư, chi phí đi lại, án phí... và các chi phí hợp lý khác.

10. Điều khoản chung

- Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến Hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ, đúng các điều khoản và thời hạn qui định trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc 2 bên gặp gỡ cùng nhau bàn bạc đưa ra hướng giải quyết. Nếu cần bổ sung các bước công việc hoặc các vấn đề phát sinh hai bên thỏa thuận làm phụ lục Hợp đồng.

- Mọi thay đổi liên quan đến Hợp đồng chỉ có giá trị khi viết dưới dạng văn bản và được người đại diện theo pháp luật hai bên ký duyệt.

Biên bản được lập làm 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thế Vinh

ĐẠI DIỆN BÊN A

TP ĐTXD

TP KT Mỏ

Nguyễn Văn Hiền

Nguyễn Hồng Quang

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Gói thầu: “Khoan phục vụ khai thác năm 2022 mỏ kẽm chì Chợ Điền, huyện Chợ Điền, tỉnh Bắc Kạn”
thuộc Phương án khoan phục vụ khai thác năm 2022, mỏ kẽm chì Chợ Điền, huyện Chợ Điền, tỉnh Bắc Kạn

(Kèm theo biên bản thương thảo ngày / /2022)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
A	Thi công phương án		1		12.505.887.581
I	Công tác trắc địa				233.570.194
1	Đưa công trình từ thiết kế ra thực địa	CT	62	2.003.515	124.217.955
2	Đo công trình và đưa vào bản đồ	CT	62	1.763.746	109.352.239
II	Công tác khoan: (1)+(2)-(3)	m	7.000		12.016.903.867
1	Khoan xiên lấy mẫu từ 65° - 89°	m	3.095		5.770.925.817
a	Khoan lấy mẫu ĐC các loại quặng chiều sâu LK từ 0 đến 100m		445		742.647.346
*	Khoan (Xiên 65 ⁰ -89 ⁰ , đá cấp III)	m	22		
-	Hiệp dài		22	871.865	19.181.030
*	Khoan (Xiên 65 ⁰ -89 ⁰ , đá cấp VI)	m	423		
-	Hiệp ngắn		62	1.841.938	114.200.156
-	Hiệp dài		360	1.692.406	609.266.160
b	Khoan lấy mẫu ĐC các loại quặng chiều sâu LK từ 0 đến 200m		2.185		4.097.356.785
*	Khoan (Xiên 65 ⁰ -89 ⁰ , đá cấp III)	m	116		
	Hiệp dài		116	963.974	111.820.984
*	Khoan (Xiên 65 ⁰ -89 ⁰ , đá cấp VI)	m	2.069		
	Hiệp ngắn		303	2.069.777	627.142.431
	Hiệp dài		1.766	1.901.695	3.358.393.370
c	Khoan lấy mẫu ĐC các loại quặng chiều sâu LK từ 0 đến 300m		465		930.921.686
*	Khoan (Xiên 65 ⁰ -89 ⁰ , đá cấp III)	m	23		
	Hiệp dài		23	996.640	22.922.722
*	Khoan (Xiên 65 ⁰ -89 ⁰ , đá cấp VI)	m	442		
	Hiệp ngắn		65	2.207.651	143.497.323
	Hiệp dài		377	2.027.856	764.501.640
2	Khoan đứng lấy mẫu 90°		3.905		6.275.978.050
a	Khoan lấy mẫu ĐC các loại quặng chiều sâu LK từ 0 đến 100m		1.640		2.558.273.056
*	Khoan (đứng 90 ⁰ , đá cấp III)	m	82		
-	Hiệp dài		82	802.826	65.831.732
*	Khoan (đứng 90 ⁰ , đá cấp VI)	m	1.558		
-	Hiệp ngắn		230	1.841.938	423.645.740
-	Hiệp dài		1.328	1.557.828	2.068.795.584
b	Khoan lấy mẫu ĐC các loại quặng chiều sâu LK từ 0 đến 200m		2.265		3.717.704.994
*	Khoan(đứng 90 ⁰ , đá cấp III)	m	113		
	Hiệp dài		113	831.062	93.910.056
*	Khoan (đứng 90 ⁰ , đá cấp VI)	m	2.152		
	Hiệp ngắn		323	1.938.867	626.254.154
	Hiệp dài		1.829	1.638.896	2.997.540.784

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
3	Giá trị giảm giá công tác khoan do vật tư khoan sẵn có				30.000.000
III	Lấy mẫu				83.207.251
1	Mẫu lõi khoan	m.mẫu	400	208.018	83.207.251
IV	Gia công mẫu				110.612.539
1	Mẫu lõi khoan	Mẫu	470	235.346	110.612.539
V	Công tác tin học				61.593.730
1	Số hoá bản đồ các loại	mảnh	15	4.106.249	61.593.730
B	Lập phương án thi công	PA	1		110.385.156
C	Lập báo cáo kết quả thi công	bc	1	210.072.249	210.072.249
D	In, nộp báo cáo nội bộ	bộ	3	2.500.000	7.500.000
E	Các công tác khác				455.055.275
1	Làm đường khoan mới	m ³	665	278.151	184.970.512
2	Sửa đường	m ³	199	278.151	55.352.078
3	Làm nền khoan	m ³	772	278.151	214.732.685
F	Đền bù hoa màu	Đồng	50.000.000		50.000.000
	Tổng cộng: A + B + C + D + E + F				13.338.900.261
	Làm tròn				13.338.900.000
<i>Bảng chữ: Mười ba tỷ, ba trăm ba mươi tám triệu, chín trăm nghìn đồng. Đã bao gồm thuế VAT.</i>					

BẢNG THỐNG KÊ CÔNG TRÌNH

**Gói thầu: “Khoan phục vụ khai thác năm 2022 mỏ kẽm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn”
thuộc Phương án khoan phục vụ khai thác năm 2022, mỏ kẽm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn**

STT	Tên công trình	Tuyến	Thân quặng	Tọa độ thiết kế			Chiều sâu lỗ khoan (m)	Góc nghiêng	Phương vị
				X	Y	H			
TỔNG CÁC KHU							7.000		
1. Khu Hùm Tre							1.090		
1	LK46HT	Tuyến 15	TQ18	2.462.283	400.498	720	50	90	
2	LK47HT	Tuyến 14	TQ18	2.462.282	400.498	716	50	90	
3	LK48HT	Tuyến 15A	TQ18	2.462.203	400.541	752	85	90	
4	LK49HT	Tuyến 32	TQ18	2.462.044	400.565	722	85	90	
5	LK50HT	Tuyến 32	TQ18	2.462.044	400.595	715	85	90	
6	LK51HT	Tuyến 33	TQ18	2.462.019	400.580	720	85	90	
7	LK52HT	Tuyến 33	TQ18	2.462.019	400.610	715	90	90	
8	LK53HT	Tuyến 34	TQ18	2.461.995	400.619	709	90	90	
9	LK54HT	Tuyến 35	TQ18	2.462.055	400.343	765	55	90	
10	LK55HT	Tuyến 36	TQ18	2.462.029	400.311	735	40	90	
11	LK56HT	Tuyến 36	TQ18	2.462.030	400.336	750	70	90	
12	LK57HT	Tuyến 37	TQ18	2.462.004	400.301	720	55	90	
13	LK58HT	Tuyến 37	TQ18	2.462.004	400.326	732	80	90	
14	LK59HT	Tuyến 38	TQ18	2.461.979	400.266	692	50	90	
15	LK60HT	Tuyến 38	TQ18	2.461.979	400.291	705	70	90	
16	LK61HT	Tuyến 39	TQ18	2.461.955	400.249	685	50	90	
2. Khu Suối							1.515		
17	LK147S	Tuyến.100	TQ11	2.462.610	398.488	687	185	90	
18	LK148S	Tuyến.99	TQ11	2.462.565	398.459	687	110	90	
19	LK149S	Tuyến.99	TQ11	2.462.552	398.468	692	150	90	
20	LK150S	Tuyến.98	TQ11	2.462.529	398.423	698	115	90	
21	LK151S	Tuyến.98	TQ11	2.462.515	398.433	704	155	90	
22	LK152S	Tuyến.97	TQ11	2.462.492	398.388	695	115	90	
23	LK153S	Tuyến.97	TQ11	2.462.478	398.398	692	150	90	
24	LK154S	Tuyến.96	TQ11	2.462.454	398.353	670	85	90	
25	LK155S	Tuyến.96	TQ11	2.462.439	398.364	670	120	90	
26	LK156S	Tuyến.95	TQ11	2.462.420	398.316	646	70	90	
27	LK157S	Tuyến.95	TQ11	2.462.405	398.327	646	105	90	
28	LK158S	Tuyến.94	TQ11	2.462.364	398.294	687	60	90	
29	LK159S	Tuyến.94	TQ11	2.462.351	398.304	687	95	90	
3. Khu Lũng Hoài							1.690		
30	LK163.H	TUYẾN 54A	TQ10	2.463.807	399.169	836	80	79	295
31	LK165.H	TUYẾN 55	TQ10	2.463.832	399.190	820	100	90	0
32	LK152.H	TUYẾN 49	TQ12	2.463.466	399.153	855	115	90	0
33	LK154.H	TUYẾN 50B	TQ12	2.463.509	399.154	858	120	90	0
34	LK173.H	TUYẾN 46	TQ12	2.463.340	399.115	863	145	90	0
35	LK143.H	TUYẾN 46B	TQ12	2.463.322	399.106	860	140	90	0
36	LK140.H	TUYẾN 45	TQ12	2.463.304	399.091	872	250	81	299
37	LK141.H	TUYẾN 45	TQ12	2.463.303	399.092	872	160	86	299

STT	Tên công trình	Tuyến	Thân quặng	Tọa độ thiết kế			Chiều sâu lỗ khoan (m)	Góc nghiêng	Phương vị
				X	Y	H			
39	LK172.H	TUYẾN 44A	TQ12	2.463.270	399.075	870	155	90	
40	LK169.H	TUYẾN 44	TQ12	2.463.262	399.038	850	70	90	
41	LK170.H	TUYẾN 44	TQ12	2.463.249	399.060	858	140	90	
4. Khu Khuổi Khem 2							435		
42	LK19KK	Tuyến T10	MQ	2.467.824	402.874	422	65	55	122
43	LK20KK	Tuyến T9A	MQ	2.467.836	402.893	421	75	65	122
44	LK21KK	Tuyến T8	MQ	2.467.870	402.951	395	75	65	122
45	LK22KK	Tuyến T7	MQ	2.467.892	402.968	393	75	65	122
46	LK23KK	Tuyến T6	MQ	2.467.920	402.968	402	70	90	
47	LK24KK	Tuyến T6	MQ	2.467.909	402.987	383	75	65	122
5. Khu Bô Ben							1.480		
48	LK136.BP	Tuyến 20A	TQ7	2463311.08	398211.33	825	115	90	
49	LK139.BP	Tuyến 20D	TQ7	2463358.16	398295.83	803	130	82	302
50	LK140.BP	Tuyến 22A	TQ7	2463375.59	398314.29	812	130	90	
51	LK148.BP	Tuyến 24A	TQ7	2463555.34	398444.02	870	165	85	302
52	LK150.BP	Tuyến 25	TQ7	2463571.46	398468.72	870	195	80	302
53	LK151.BP	Tuyến 25A	TQ7	2463618.92	398437.36	885	105	80	302
54	LK152.BP	Tuyến 25A	TQ7	2463604.77	398460.00	885	145	80	302
55	LK153.BP	Tuyến 25A	TQ7	2463593.69	398477.73	874	175	80	302
56	LK154.BP	Tuyến 26	TQ7	2463617.98	398486.88	876	140	61	302
57	LK155.BP	Tuyến 26	TQ7	2463617.05	398488.20	876	180	70	302
6. Khu Lapointe							790		
58	LK74LP	Tuyến 29	TQ10	2.462.222	398.103	630	165	69	122
59	LK75LP	Tuyến 30	TQ10	2.462.254	398.124	640	165	71	122
60	LK76LP	Tuyến 31	TQ10	2.462.304	398.139	660	135	71	122
61	LK77LP	Tuyến 32	TQ10	2.462.348	398.162	665	185	71	122
62	LK78LP	Tuyến 33	TQ10	2.462.347	398.259	650	140	71	122



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

VAT INVOICE

Ngày (Day) 24 tháng (month) 06 năm (year) 2022

Ký hiệu (Serial No.): 1C22TGT

MCQT cấp (Verification Code): 0082058D1E0ED74FC3B4243CDF6AFAC20A

Số (Invoice No.): 160

Đơn vị bán hàng (Seller): TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ĐỊA KỸ THUẬT
Mã số thuế (Tax Code): 0100530339
Địa chỉ (Address): Phòng 201, Nhà C5, Đại học Bách khoa Hà Nội, phường Bách khoa, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
Số tài khoản (Account No.): 11200001012 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Hai Bà Trưng, TP Hà Nội
Điện thoại (Phone): 024.38683342 Fax (Fax): 024.38690110

Họ tên người mua hàng (Customer's name): NGUYỄN THẾ ĐOÀN
Tên đơn vị (Company's name): CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN- VIMICO
Mã số thuế (Tax Code): 4600100003
Địa chỉ (Address): Tổ 6, Phường Phú Xá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Số tài khoản (Account No.): 3901000000377, tại Ngân hàng BIDV- Hình thức thanh toán (Method of Payment): Chuyển khoản Chi nhánh Thái Nguyên

Stt No.	Tên hàng hóa, dịch vụ Description	Đơn vị tính Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Price	Thành tiền Amount
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Khoan phục vụ khai thác năm 2022 mỏ kẽm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn thuộc Phương án khoan phục vụ khai thác năm 2022, mỏ kẽm chì Chợ Điền, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn theo Hợp đồng số 314/2022/HĐ ngày 08/04/2022 và biên bản nghiệm thu ngày 24/06/2022.				5.201.574.080

Cộng tiền hàng (Total Amount): 5.201.574.080

Thuế suất GTGT (VAT Rate): 8% Tiền thuế GTGT (VAT): 416.125.920

Tổng cộng tiền thanh toán (Total): 5.617.700.000

Số tiền viết bằng chữ: Năm tỷ, sáu trăm mười bảy triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn
Amount (in words)

Người mua hàng
Buyer

Người bán hàng
Seller

Ký bởi: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU
(Signed by) ĐỊA KỸ THUẬT

Ký ngày: 24/06/2022
(Date)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
(Please do check, compare when issuing, delivering and receiving invoice)